



ANNUAL TUITION FEES AND CHARGES FOR THE 2020/21 ACADEMIC YEAR

Biểu Phí Năm Học 2020 - 2021

BILINGUAL PROGRAM TUITION FEES/ Học phí Hệ đào tạo song ngữ tích hợp (VND)

| Year Khối lớp | Admission fee Phí nhập học | Term Đợt | Semester/ Học kỳ (Discounted/ Đã giảm 3%) | Full payment/ Đóng trọn năm | |
|---------------------|-------------------------------|-------------|--|---|--|
| | | | | Before/ Trước 17/07/2020 (Discounted/ Đã giảm 5%) | Before/ Trước 24/04/2020 (Discounted/ Đã giảm 10%) |
| Penguin | 10,000,000 | 21,750,000 | 42,195,000 | 82,650,000 | 78,300,000 |
| Wombat | | 17,375,000 | 33,707,500 | 66,025,000 | 62,550,000 |
| Koala | | 18,125,000 | 35,162,500 | 68,875,000 | 65,250,000 |
| Kangaroo | | 20,375,000 | 39,527,500 | 77,425,000 | 73,350,000 |
| Pre-Primary | | 25,500,000 | 49,470,000 | 96,900,000 | 91,800,000 |
| Year 1/ Lớp 1 | 15,000,000 | 25,500,000 | 49,470,000 | 96,900,000 | 91,800,000 |
| Year 2/ Lớp 2 | | 25,500,000 | 49,470,000 | 96,900,000 | 91,800,000 |
| Year 3/ Lớp 3 | | 27,375,000 | 53,107,500 | 104,025,000 | 98,550,000 |
| Year 4/ Lớp 4 | | 27,375,000 | 53,107,500 | 104,025,000 | 98,550,000 |
| Year 5/ Lớp 5 | | 30,000,000 | 58,200,000 | 114,000,000 | 108,000,000 |
| Year 6/ Lớp 6 | | 31,750,000 | 61,595,000 | 120,650,000 | 114,300,000 |
| Year 7/ Lớp 7 | | 31,750,000 | 61,595,000 | 120,650,000 | 114,300,000 |
| Year 8/ Lớp 8 | | 34,000,000 | 65,960,000 | 129,200,000 | 122,400,000 |
| Year 9/ Lớp 9 | | 34,000,000 | 65,960,000 | 129,200,000 | 122,400,000 |
| Year 10/ Lớp 10 | | 37,250,000 | 72,265,000 | 141,550,000 | 134,100,000 |
| Year 11/ Lớp 11 | | 43,125,000 | 83,662,500 | 163,875,000 | 155,250,000 |
| Year 12/ Lớp 12 (*) | | 52,000,000 | 100,880,000 | 197,600,000 | 187,200,000 |

(*) School start date of Year 12: 20/07/2020.

The above tuition fee does not include the tuition fee from 20/07/2020 to 17/08/2020, which is 20,800,000VND.

Ngày nhập học của Khối 12: 20/07/2020.

Học phí trên chưa bao gồm học phí trong khoảng thời gian từ ngày 20/07/2020 đến 17/08/2020 là 20,800,000 VND.

INTERNATIONAL PROGRAM TUITION FEES/ Học phí Hệ đào tạo tích hợp Quốc tế toàn phần (VND)

| Year Khối lớp | Admission fee Phí nhập học | Term Đợt | Semester/ Học kỳ (Discounted/ Đã giảm 3%) | Full payment/ Đóng trọn năm | |
|------------------|-------------------------------|-------------|--|---|--|
| | | | | Before/ Trước 17/07/2020 (Discounted/ Đã giảm 5%) | Before/ Trước 24/04/2020 (Discounted/ Đã giảm 10%) |
| Pre-Primary | 10,000,000 | 45,625,000 | 88,512,500 | 173,375,000 | 164,250,000 |
| Year 1/ Lớp 1 | 15,000,000 | 56,250,000 | 109,125,000 | 213,750,000 | 202,500,000 |
| Year 2/ Lớp 2 | | 56,250,000 | 109,125,000 | 213,750,000 | 202,500,000 |
| Year 3/ Lớp 3 | | 58,750,000 | 113,975,000 | 223,250,000 | 211,500,000 |
| Year 4/ Lớp 4 | | 58,750,000 | 113,975,000 | 223,250,000 | 211,500,000 |
| Year 5/ Lớp 5 | | 64,375,000 | 124,887,500 | 244,625,000 | 231,750,000 |
| Year 6/ Lớp 6 | | 69,375,000 | 134,587,500 | 263,625,000 | 249,750,000 |
| Year 7/ Lớp 7 | | 69,375,000 | 134,587,500 | 263,625,000 | 249,750,000 |
| Year 8/ Lớp 8 | | 73,750,000 | 143,075,000 | 280,250,000 | 265,500,000 |
| Year 9/ Lớp 9 | | 73,750,000 | 143,075,000 | 280,250,000 | 265,500,000 |
| Year 10/ WA | | 75,000,000 | 145,500,000 | 285,000,000 | 270,000,000 |
| Year 10/ ADP | | 75,000,000 | 145,500,000 | 285,000,000 | 270,000,000 |
| Year 10/ IB | | 81,250,000 | 157,625,000 | 308,750,000 | 292,500,000 |
| Year 11/ WA | | 87,500,000 | 169,750,000 | 332,500,000 | 315,000,000 |
| Year 11/ ADP | | 81,250,000 | 157,625,000 | 308,750,000 | 292,500,000 |
| Year 11/ IB | | 100,000,000 | 194,000,000 | 380,000,000 | 360,000,000 |
| Year 12/ WA | | 96,250,000 | 186,725,000 | 365,750,000 | 346,500,000 |
| Year 12/ ADP | | 87,500,000 | 169,750,000 | 332,500,000 | 315,000,000 |
| Year 12/ IB | | 120,000,000 | 232,800,000 | 456,000,000 | 432,000,000 |

- A non-refundable admission fee is paid only once and guarantees the place for new income students. The admission fee waiver is applicable to the re-enrollment within two years from leaving the school.

Phí nhập học không được hoàn lại trong bất kỳ trường hợp nào, áp dụng cho học sinh mới và chỉ đóng một lần duy nhất khi nhập học. Phí nhập học được miễn dành cho học sinh tái ghi danh trong vòng 2 năm kể từ khi nghỉ học tại WASS.

EARLY BIRD/ Ưu đãi tái ghi danh sớm:

- **10% discount** only applies to current students whose tuition fees are paid in full before April 24th 2020 and there is no have any other WASS special offers, except student's sibling policy.

Ưu đãi đóng học phí sớm giảm 10% chỉ áp dụng dành cho học sinh đang học tại trường thanh toán học phí theo năm trước ngày 24/04/2020 và chưa hưởng bất kỳ ưu đãi học phí nào ngoại trừ chính sách anh em.

- **5% discount** only applies to students whose tuition fees are paid in full before July 17th 2020.

Ưu đãi đóng học phí sớm giảm 5% chỉ áp dụng dành cho học sinh thanh toán học phí theo năm trước ngày 17/07/2020.

- **3% discount** only applies to students whose tuition fees are paid in full before July 17th 2020 for Semester 1 and before 04th January for Semester 2.

Ưu đãi đóng học phí sớm giảm 3% chỉ áp dụng dành cho học sinh thanh toán học phí theo học kỳ, kỳ 1 trước ngày 17/07/2020 và kỳ 2 trước ngày 04/01/2021.

STUDENT'S SIBLING DISCOUNT POLICY / Chính sách anh em:

- **5% discount** for each student when parents have 2 children (siblings) studying at WASS.

Giảm 5% học phí cho mỗi học sinh khi phụ huynh có 2 con (anh chị em ruột) cùng học tại WASS.

- **10% discount** for each student when parents have 3 or more children (siblings) studying at WASS.

Giảm 10% học phí cho mỗi học sinh khi phụ huynh có từ 3 con trở lên (anh chị em ruột) cùng học tại WASS.

- The offer only applies while the student has siblings enrolled in WASS, and all tuition fees have been paid in full. If a student begins his/her studies at the school after a semester has started, the discounted tuition fee for that student will be applied for the next term payment./ Mức ưu đãi chỉ áp dụng bắt đầu tại thời điểm học sinh có anh chị em ruột đăng ký ghi danh và hoàn tất học phí. Trong trường hợp học sinh nhập học sau khai giảng, mức ưu đãi giảm học phí cho học sinh đã học tại trường sẽ được áp dụng kể từ đợt học phí tiếp theo.

- The sibling policy does not apply simultaneously with other annual fee discount policies.

Chính sách anh em không áp dụng đồng thời với những trường hợp học sinh đã nhận các chính sách ưu đãi học phí thường niên khác.

MEAL FEE / Phí ăn (VND)

| Age Group/ Cấp học | Term/ Đợt | Semester/ Học kỳ | Annual/ Năm học |
|------------------------|-----------|------------------|-----------------|
| Kindergarten/ Mầm non | 5,750,000 | 11,155,000 | 21,850,000 |
| Primary/ Tiểu học | 6,775,000 | 13,143,500 | 25,745,000 |
| High School/ Trung học | 7,400,000 | 14,356,000 | 28,120,000 |

- Students being enrolled after school start date shall pay meal fee for that full enrolling week./ Học sinh nhập học sau ngày khai giảng sẽ đóng theo đơn vị trọn tuần.

- Students who do not have breakfast will have their meal fee reduced by 22 %. Students who do not have afternoon snack will have their meal fee reduced by 15 %./ Học sinh không ăn sáng sẽ được giảm trừ 22% đơn giá tiền ăn, học sinh không ăn xế sẽ được giảm trừ 15% trên đơn giá tiền ăn.

- In the situation when students do not have breakfast, afternoon snack or any meals at school, parents need to fill out the form about cancelling school meals and mail to the school office at least 5 business days before the starting date./ Đối với học sinh không ăn bữa sáng, bữa xế hoặc 3 bữa tại trường, Phụ huynh điền và gửi mẫu “Đăng ký không ăn tại trường” đến Văn phòng ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày bắt đầu năm học.

UNIFORM FEE/ Phí đồng phục (VND)

| Year Lớp | School Uniform Đồng phục đi học | Sport Uniform Đồng phục thể dục |
|-------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
| Kindergarten/ Mầm non | 400,000 | 350,000 |
| Primary/ Tiểu học (Lớp 1- Lớp 3) | 450,000 | 400,000 |
| Primary/ Tiểu học (Lớp 4- Lớp 5) | 500,000 | 450,000 |
| High School/ Trung học | Lớp 6 | 500,000 |
| | Lớp 7 - Lớp 8 | 550,000 |
| | Lớp 9 - Lớp 12 | 600,000 |

SCHOOL BUS FEE/ Phí xe đưa đón (VND)

- The school bus fee is paid per term (per 10 weeks)/ Phí xe đưa rước tính theo đợt (10 tuần).

- School bus operates from Monday to Friday./ Xe đưa rước hoạt động từ thứ 2 đến thứ 6.

- Students registering for school bus services must make payment 2 weeks in advance so that the school can organise the route./ Học sinh đăng ký xe đưa rước vui lòng thông báo và đóng phí trước 2 tuần để Nhà trường sắp xếp tuyến xe.

- 10% discount for any sibling at the same address./ Học sinh có 2 anh chị em ruột/họ trở lên sử dụng xe đưa rước đón tại cùng 1 địa chỉ, mỗi học sinh được giảm 10%.

- For school bus service: Students wishing to register for new membership or change the place of pick-up and return need to register at the School Office 15 days in advance and complete the Additional fee (if applicable).

- Đối với dịch vụ bus: Học sinh có nhu cầu đăng ký mới/thay đổi hình thức/thay đổi địa điểm đón, trả học sinh cần phải đăng ký thông tin với Văn phòng Nhà trường trước 15 ngày và hoàn thành các khoản phí bổ sung (nếu có).

| | 0 - 1,5km | 1,5km - 3,5km | 3,5km - 6km | 6km - 8km | 8km - 10km |
|------------------|-------------|---------------|-------------|-------------|------------|
| | 3,750,000 | 5,250,000 | 7,000,000 | 8,000,000 | 10,000,000 |
| Return/ 2 chiều | 2,625,000 | 3,675,000 | 4,900,000 | 5,600,000 | 7,000,000 |
| One way/ 1 chiều | 10km - 12km | 12km - 15km | 15km - 18km | 18km - 25km | |
| | 11,250,000 | 12,500,000 | 13,750,000 | 15,000,000 | |
| | 7,875,000 | 8,750,000 | 9,625,000 | 10,500,000 | |

| | Monday - Friday/ Thứ 2 - Thứ 6 | Monday - Saturday/ Thứ 2 - Thứ 7 | Full Board/ Toàn thời gian |
|---------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
| Term/ Đợt | 15,000,000 | 16,875,000 | 20,000,000 |
| Semester/ Kỳ | 29,100,000 | 32,737,500 | 38,800,000 |
| Annual/ Năm | 57,000,000 | 64,125,000 | 76,000,000 |

BOARDING FEES/ Phí nội trú (VND)

TEXTBOOK FEE/ Phí giáo trình (VND)

| Year Khối lớp | Bilingual Program Hệ đào tạo song ngữ tích hợp | International Program Hệ đào tạo tích hợp Quốc tế toàn phần | ESL Program Chương trình ESL |
|---------------------------|--|---|---------------------------------|
| Penguin | | | |
| Wombat | 1,500,000 | | |
| Koala | 1,500,000 | | |
| Kangaroo | 2,000,000 | | |
| Pre-Primary | 2,300,000 | 2,800,000 | |
| Year 1 - 5/ Lớp 1 - 5 | 2,500,000 | 3,800,000 | 1,800,000 |
| Year 6/ Lớp 6 | 2,500,000 | 4,500,000 | 2,000,000 |
| Year 7 - 9/ Lớp 7 - 9 | 4,000,000 | 5,000,000 | 2,000,000 |
| Year 10 - 12/ Lớp 10 - 12 | | | 2,000,000 |

OTHER FEES/ Các loại phí khác (VND)

| Items Danh mục | Kindergarten Mầm non | Year 1 - 3/ Lớp 1 - 3 | Year 4 - 5/ Lớp 4 - 5 | Year 6 - 12/ Lớp 6 - 12 |
|--|-------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| Annual Extra-curricular fee Học tập thực tế/ năm | 4,500,000 | 6,000,000 | 12,000,000 | 15,000,000 |
| Annual NAPLAN fee (For year 3, 5, 7, 9) NAPLAN (Dành cho khối 3, 5, 7, 9) | | 1,500,000 | 1,500,000 | 1,500,000 |
| Stationery fee/ Phí học phẩm | 1,500,000 | 2,500,000 | 2,500,000 | 2,500,000 |

| Items Danh mục | Year 1/ Lớp 1 | Year 2 - 12/ Lớp 2 - 12 |
|-------------------------------------|------------------|----------------------------|
| Annual Medical fee Phí y tế/ năm | 750,000 | 570,000 |

- The Health Insurance Program is compulsory for all students studying at WASS 2020-2021 (from Year 1 and above). Students who have been granted student health insurance do not have to pay this fee. Parents are required to submit an additional copy of insurance coverage to the school office by July 20, 2020./ Chương trình Bảo hiểm y tế được quy định bắt buộc đối với toàn bộ học sinh học tại WASS năm 2020 -2021 (từ Khối 1 trở lên). Học sinh đã được cấp bảo hiểm y tế theo diện học sinh sẽ không phải đóng phí này. Phụ huynh cần phải nộp bổ sung bản photo bảo hiểm cho văn phòng Nhà trường trước ngày 20/07/2020

- The stationery fee is an annual fee and is applicable to all students. This fee covers student supplies, equipment, tools for specific subjects, software, and materials for subject's projects./ Phí học phẩm là chi phí thường niên, áp dụng đối với tất cả các học sinh. Đây là chi phí để trang bị các học phẩm, dụng cụ mang tính chất đặc thù của các môn học, phần mềm hỗ trợ học tập, và tài khoản in ấn tài liệu phục vụ cho dự án học tập của học sinh.

- Students who register in the second semester will be offered a discount of 45% from their stationery fee./ Học sinh nhập học học kỳ 2 giảm 45% phí học phẩm

METHODS OF PAYMENT/ Phương thức đóng phí

Payments of all fees must be made by bank transfer to the school account as shown below:

Việc thanh toán các khoản phí cần được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Nhà trường, cụ thể như sau:

| | | |
|------------------------------|------------------------------------|---|
| 157 LY CHINH THANG | Beneficiary name/ Đơn vị thụ hưởng | TRUONG TIEU HOC, THCS & THPT TAY UC |
| | Account Number/ Số tài khoản | 0721 0006 42016 |
| | Bank Branch/ Chi nhánh Ngân hàng | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng |
| | Currency/ Loại tiền | VND |
| | Swift code/ Mã ngân hàng | BFTVVNVX |
| 43 NGUYEN THONG | Beneficiary name/ Đơn vị thụ hưởng | TRUONG TIEU HOC VA THCS TAY UC |
| | Account Number/ Số tài khoản | 0721 0006 48434 |
| | Bank Branch/ Chi nhánh Ngân hàng | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng |
| | Currency/ Loại tiền | VND |
| | Swift code/ Mã ngân hàng | BFTVVNVX |
| 84 BA HUYEN THANH QUAN | Beneficiary name/ Đơn vị thụ hưởng | CO SO 2 TRUONG TH VA THCS TAY UC |
| | Account Number/ Số tài khoản | 1012 572 531 |
| | Bank Branch/ Chi nhánh Ngân hàng | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng |
| | Currency/ Loại tiền | VND |
| | Swift code/ Mã ngân hàng | BFTVVNVX |
| 260 DIEN BIEN PHU | Beneficiary name/ Đơn vị thụ hưởng | TRUONG MAM NON TAY UC |
| | Account Number/ Số tài khoản | 0721 0006 48400 |
| | Bank Branch/ Chi nhánh Ngân hàng | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng |
| | Currency/ Loại tiền | VND |
| | Swift code/ Mã ngân hàng | BFTVVNVX |
| 35 NGUYEN HUU CANH | Beneficiary name/ Đơn vị thụ hưởng | TRUONG MAM NON TAY UC |
| | Account Number/ Số tài khoản | 0721 0006 48580 |
| | Bank Branch/ Chi nhánh Ngân hàng | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng |
| | Currency/ Loại tiền | VND |
| | Swift code/ Mã ngân hàng | BFTVVNVX |

Notice/ Lưu ý:

- All fee payments can be made by Card or Bank transfer to our school account. For the case of payment by card or cash at the school office, the fee limit of payment is not more than 15 million VND invoice./ Việc thanh toán các khoản phí có thể thực hiện bằng thẻ ngân hàng/hóa đơn hoặc chuyển khoản vào tài khoản của nhà trường. Đối với hình thức thanh toán bằng thẻ hoặc tiền mặt tại trường mức phí giới hạn thanh toán dưới 15 triệu.

- The Bank transfer must include the student's name, class, campus and purpose of payment on the bank transfer request. After having made the payment, parents need to email or send a copy of the bank's statement of payment / remittance to accounting@wass.edu.vn./ Phụ huynh vui lòng ghi đầy đủ họ tên, lớp của học sinh và chi tiết khoản phí trên Giấy đề nghị chuyển tiền theo mẫu của ngân hàng. Sau khi thanh toán, vui lòng email hoặc gửi bản sao Ủy nhiệm chi/giấy chuyển tiền của ngân hàng theo email: accounting@wass.edu.vn.

- Student can only enroll after the parent has been verified by the school./ Học sinh chỉ có thể nhập học sau khi phụ huynh đã hoàn tất các khoản thanh toán.

- If parents need a financial invoice, please complete the school form when paying the tuition fees at the beginning of the school year. The school will invoice parents on the 27th of each month./ Phụ huynh có nhu cầu xuất hóa đơn tài chính vui lòng thông báo và điền thông tin theo mẫu của Nhà trường khi thanh toán học phí vào đầu năm học. Nhà trường sẽ gửi hóa đơn cho phụ huynh vào ngày 27 hàng tháng.

- From the 1st of August 2020, all payments made at school (cash or card), is limited to a maximum amount of 15 million vnd./ Đối với hình thức thanh toán bằng thẻ hoặc tiền mặt tại trường, mức phí giới hạn thanh toán dưới 15 triệu được áp dụng từ ngày 01/08/2020

PAYMENT SCHEDULE/ Thời hạn đóng phí

| Full payment (40 weeks) Đóng trọn năm (40 tuần) | Semester (20 weeks) Học kỳ (20 tuần) | Term(10 weeks) Đợt (10 tuần) |
|---|--|--|
| Before/ Trước 17/07/2020 | Semester/ Kỳ 1 Before/ Trước 17/07/2020 | Term/ Đợt 1: Before/ Trước 17/07/2020 Term 1 Starting Date/ Ngày bắt đầu đợt 1: 31/08/2020 |
| | | Term/ Đợt 2: Before/ Trước ngày 23/10/2020 Term 2 Starting Date/ Ngày bắt đầu đợt 2: 09/11/2020 |
| | Semester/ Kỳ 2 Before/ Trước 30/11/2020 | Term/ Đợt 3: Before/ Trước ngày 31/12/2020 Term 3 Starting Date/ Ngày bắt đầu đợt 3: 18/01/2021 |
| | | Term/ Đợt 4: Before/ Trước ngày 26/03/2021 Term 4 Starting Date/ Ngày bắt đầu đợt 4: 12/04/2021 |

- Student shall not be placed in class and no service shall be provided if parents do not fulfill their financial obligations on time. Parents must meet their obligations regarding fees and charges, as well as the deadlines for payment stated in this fees schedule, and communicated on the Student Portal. If notification by phone or email for any reason does not reach parents, this is not an acceptable excuse for delaying payment as it is the parent's responsibility to fulfill their obligations of fees and tuition for students as regulated.

Trường hợp phụ huynh không hoàn tất nghĩa vụ về tài chính, Nhà trường có quyền không xếp lớp và cung cấp dịch vụ cho học sinh. Phụ huynh cần hiểu rõ trách nhiệm hoàn tất phí và học phí cũng như thời điểm thanh toán được nêu trong biểu phí này và được thông báo trên Cổng thông tin học sinh. Việc thông báo qua điện thoại hoặc email vì một lý do nào đó không đến được với phụ huynh, không có ý nghĩa trừ hoàn trách nhiệm hoàn tất nghĩa vụ về phí và học phí cho học sinh theo quy định.

- After 10 working days from the payment deadline, late payment of fees will result in an additional charge of 0.2% for each working day. If the fees remain unpaid after the following 30 days, the school reserves the right to withhold school reports and/ or academic transcripts and terminate its service provision to the concerned student until all overdue fees are received by the school. In the event that the concerned student is withdrawn from the school after this period, parents will still be liable to pay all the outstanding fees owed to the school.

Đối với trường hợp thanh toán phí trễ hạn: Sau 10 ngày làm việc kể từ thời hạn đóng phí, Nhà trường sẽ áp dụng mức phí chậm thanh toán là 0.2%/ngày đối với những khoản phí thanh toán chậm. Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày đóng phí chậm thanh toán, nếu các khoản phí vẫn chưa được thanh toán đầy đủ, Nhà trường có toàn quyền giữ lại các bằng điểm, học bạ và ngừng cung cấp dịch vụ học tập cho học sinh cho đến khi nhận được đầy đủ các khoản phí. Trong trường hợp học sinh nghỉ học luôn sau thời gian này thì phụ huynh vẫn có trách nhiệm hoàn tất các khoản phí tồn đọng cho Nhà trường.

LATE ENROLLMENT/ Nhập học trễ

- Kindergarten students who enroll late in the school program will be required to pay the full week tuition fees.

Học sinh Mầm non nhập học trễ học phí sẽ tính theo hình thức trọn tuần.

- The fee schedule for Primary and Middle and High School students will be calculated as shown below:

Học sinh Khối Tiểu học và Trung học nhập học sau khai giảng, biểu phí sẽ tính như sau:

| Enrollment time/ Thời điểm nhập học | | | Payment rate/ Tỷ lệ thanh toán |
|--|-------------------------|-------------------------|---------------------------------------|
| Term/ Đợt 1 | Term/ Đợt 2 | Term/ Đợt 3 | |
| 31/08/2020 - 25/09/2020 | 09/11/2020 - 04/12/2020 | 18/01/2021 - 26/02/2021 | 100% |
| 28/09/2020 - 23/10/2020 | 07/12/2020 - 25/12/2020 | 01/03/2021 - 12/03/2021 | 70% |
| 26/10/2020 - 06/11/2020 | 28/12/2020 - 15/01/2021 | 15/03/2021 - 09/04/2021 | 50% |

Meal, boarding and school bus fees for students who enroll late during the week will be required to pay for a full week as fees will be calculated on a full week basis/ Phí ăn, phí nội trú, phí xe đưa rước dành cho học sinh nhập học trễ tính theo hình thức trọn tuần.

WITHDRAWAL AND REFUND POLICY/ Qui định về bảo lưu

- Admission fee is non-refundable and non-transferable.

Phí nhập học không được hoàn lại và không được chuyển nhượng trong mọi trường hợp.

- 10% of the tuition fees will be withheld in case of withdrawing the tuition fee before the date of enrollment.

10% học phí thuần sẽ không được hoàn lại cho các trường hợp rút học phí trước ngày nhập học.

a) If students are absent: tuition fee, school bus fee, boarding fee, extra-curricular fee, and NAPLAN fee will not be refunded to students in case of requests for sabbatical leave or absence/ Trường hợp học sinh nghỉ phép: Học phí, phí đưa rước, phí nội trú, phí học tập thực tế, phí NAPLAN không được hoàn trả trong trường hợp học sinh xin nghỉ phép hoặc vắng mặt.

The tuition fee and other fees have been deducted with regards to winter and Lunar New Year holiday. Therefore, students will not get the refund of the tuition fee and fees relating to these holidays on the school year timetable and their actual class days/ Phí và Học phí đã được trừ ra các ngày trong kỳ nghỉ đông và nghỉ Tết Âm Lịch, Nhà trường không hoàn lại các phí và học phí liên quan trong các ngày nghỉ thông tin trên Lịch năm học và ngày đi học tập thực tế.

The meal fee will be refunded if students have a legally accepted form or complete the online form which is confirmed by mail 3 days in advance/ Phí ăn chỉ được hoàn trả nếu học sinh nghỉ học có đơn phép hợp lệ hoặc đăng ký online có xác nhận qua email trước 3 ngày.

- The refund provided is listed below:/ Mức hoàn trả như sau

- 90,000 VND / day for Kindergarten/ 90.000đ/ngày đối với học sinh Mầm non
- 100,000 VND / day for Primary students./ 100.000đ/ngày đối với học sinh Tiểu học.
- 110,000 VND / day for Middle and High School students./ 110.000đ/ngày đối với học sinh Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.

b) In the case student cancel boarding, meal and school bus services/ Trường hợp học sinh ngưng sử dụng các dịch vụ nội trú, suất ăn, đưa rước tại trường

- Parents are responsible for completing the Service Cancellation Form and sending it to the School office within 7 days from the last day of using the services/ Phụ huynh có trách nhiệm hoàn tất mẫu Đơn ngưng sử dụng dịch vụ và nộp lại cho Văn phòng trước ít nhất 7 ngày tính từ ngày cuối cùng sử dụng dịch vụ tại trường.

- Boarding, meal and school bus fees are refunded as shown below/ Các phí xe đưa rước, phí ăn, phí nội trú được hoàn lại như sau:

| Meal fee/ Phí ăn | School bus fee/ Phí đưa rước | Boarding fee/ Phí nội trú |
|----------------------|------------------------------|---------------------------|
| Full week/ Trọn tuần | Full month/ Trọn tháng | Full week/ Trọn tuần |

The refund of tuition fee and other fees in a) and b) are to be paid by bank transfer by the last week of the school year.

Các phí và học phí hoàn lại trong các trường hợp a và b sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trong tuần cuối cùng của năm học.

c) In the event that students withdraw from the school/ Trường hợp học sinh xin thôi học tại trường

- Parents must send a notice to the school office at least 30 days before the last day of school year to ensure that the refund policy is applied/ Phụ huynh phải gửi thông báo bằng văn bản đến văn phòng nhà trường tối thiểu 30 ngày trước ngày học cuối của học sinh nhằm đảm bảo chính sách hoàn trả học phí được áp dụng.

- The refund of tuition fee only applies to full payment and semester fee. The refund rate is based on the student's last day at the school/

Việc hoàn trả học phí chỉ áp dụng cho phương thức đóng học phí nguyên năm và học kỳ. Tỷ lệ hoàn tiền được tính theo ngày học cuối của học sinh.

| Student's last day at the school/ Ngày học cuối | Refund rate/ Tỷ lệ hoàn trả học phí | |
|--|--|-------------------------------------|
| | Full payment/ Đóng theo năm | Semester/ Đóng theo kỳ |
| Before/ Trước 06/11/2020 | 75% | 50% fee of Semester 1/ 50% phí kỳ 1 |
| 09/11/2020 - 15/01/2021 | 50% | Non-refundable/ Không hoàn trả |
| 18/01/2021 - 09/04/2021 | 25% | 50% fee of Semester 2/ 50% phí kỳ 2 |
| After/ Sau 12/04/2021 | Non-refundable/ Không hoàn trả | Non-refundable/ Không hoàn trả |

Other fees are refunded as shown below/ Các khoản phí khác được hoàn lại như sau:

| Meal fee/ Phí ăn | School bus fee/ Phí đưa rước | Extra-curricular fee/ Phí học tập thực tế | Boarding fee/ Phí nội trú | Medical fee/ Phí y tế | NAPLAN fee/ Phí NAPLAN |
|-------------------------|---------------------------------|--|------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Full week/ Trọn tuần | Full month/ Trọn tháng | Non-refundable/ Không hoàn trả | Full week/ Trọn tuần | Non-refundable/ Không hoàn trả | Non-refundable/ Không hoàn trả |

- The school will refund the tuition fees within 15 working days after the student's last day at the school.

Phí và học phí hoàn trả lại sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày học cuối cùng của học sinh tại trường.



THE WESTERN AUSTRALIAN INTERNATIONAL SCHOOL SYSTEM



Primary, Middle and High School

Head office : 43 Nguyen Thong, Ward 7, Dist. 3, HCMC
Campus : 157 Ly Chinh Thang St., Ward 7, Dist. 3, HCMC
: 84 Ba Huyen Thanh Quan, Ward 9, Dist.3, HCMC
Tel : (028) 7109 5077
Email : info@wass.edu.vn



Kindergarten

Address : 260 Dien Bien Phu St., Ward 7, Dist. 3, HCMC
: 35 Nguyen Huu Canh, Ward 22, Binh Thanh Dist., HCMC
Tel : (028) 7108 8828
Email : info@wass.edu.vn
